

Số: 1148 /QĐ-TCTK

Hà Nội, ngày 26 tháng 8 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Sửa đổi Phụ lục II của Quyết định 369/QĐ-TCTK ngày 07/4/2023 về ban hành Quy chế phối hợp giữa các đơn vị thuộc Tổng cục Thống kê trong hoạt động sản xuất thông tin thống kê

TỔNG CỤC TRƯỞNG TỔNG CỤC THỐNG KÊ

Căn cứ Luật Thống kê ngày 23 tháng 11 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều và Phụ lục Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia của Luật Thống kê ngày 12 tháng 11 năm 2021;

Căn cứ Nghị định số 94/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thống kê;

Căn cứ Nghị định số 94/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

Căn cứ Nghị định số 62/2024/NĐ-CP ngày 07/6/2024 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều, phụ lục của Nghị định số 94/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thống kê và Nghị định số 94/2022/NĐ-CP ngày 07/11/2022 của Chính phủ quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

Căn cứ Quyết định số 10/2020/QĐ-TTg ngày 18 tháng 3 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Thống kê thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các đơn vị thuộc Tổng cục Thống kê;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Thu thập dữ liệu và Ứng dụng công nghệ thông tin thống kê.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi Phụ lục II của Quyết định 369/QĐ-TCTK ngày 07/4/2023 về việc ban hành Quy chế phối hợp giữa các đơn vị thuộc Tổng cục Thống kê trong hoạt động sản xuất thông tin thống kê. Phụ lục II sửa đổi được gửi kèm Quyết định này.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Cục trưởng Cục Thu thập dữ liệu và Ứng dụng công nghệ thông tin thống kê, Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch tài chính, Chánh Văn phòng Tổng cục, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Cơ quan Thống kê ở trung ương, Cục trưởng Cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lãnh đạo Tổng cục;
- Các đơn vị thuộc Tổng cục (chỉ gửi văn bản điện tử);
- Lưu: VT, Cục TTDL (5b).

TỔNG CỤC TRƯỞNG



Nguyễn Thị Hương

Phụ lục 2.1

NỘI DUNG PHỐI HỢP VỀ THỐNG KÊ DÂN SỐ VÀ LAO ĐỘNG

1. Điều tra biến động dân số và kế hoạch hóa gia đình

STT	Nội dung	Thời gian thực hiện	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
I	Chuẩn bị thu thập thông tin			
1	Xây dựng phương án điều tra	Tháng 2-7 năm trước	Cục TTDL ¹	Vụ DSLĐ ²
2	Xây dựng mẫu biểu tổng hợp kết quả đầu ra (bao gồm quy định tổng hợp)	20 ngày làm việc sau khi Cục TTDL gửi phiếu điều tra	Vụ DSLĐ	Cục TTDL
II	Thu thập và xử lý			
1	Thu thập thông tin	Ngày 01-20/4	CTK ³	Cục TTDL
2	Kiểm tra, làm sạch, nghiệm thu cấp tỉnh	Ngày 01-29/4	CTK	Cục TTDL
3	Kiểm tra, làm sạch, nghiệm thu cấp trung ương	Ngày 04-20/5	Cục TTDL	CTK, Vụ DSLĐ
4	Kiểm tra chuyên sâu	Ngày 21/5-15/6	Vụ DSLĐ	Cục TTDL, CTK
5	Xác minh, hoàn thiện dữ liệu	Ngày 16/6-15/7	Cục TTDL	CTK, Vụ DSLĐ
6	Tính quyền số thiết kế	Ngày 01/4-30/6	Cục TTDL	Vụ DSLĐ
7	Tính quyền số điều chỉnh	Ngày 01/6-15/7	Vụ DSLĐ	Cục TTDL
8	Khóa chương trình, chốt số liệu phục vụ xây dựng báo cáo	Ngày 15/7	Cục TTDL	Vụ DSLĐ

2. Điều tra lao động việc làm (thực hiện hằng tháng)

STT	Nội dung	Thời gian	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
I	Chuẩn bị thu thập thông tin			
1	Xây dựng phương án điều tra	Tháng 2-7 năm trước	Cục TTDL	Vụ DSLĐ

¹ Cục TTDL: Cục Thu thập dữ liệu và Ứng dụng công nghệ thông tin thống kê

² Vụ DSLĐ: Vụ Thống kê Dân số và Lao động

³ CTK: Cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

STT	Nội dung	Thời gian	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
2	Xây dựng mẫu biểu tổng hợp kết quả đầu ra (bao gồm quy định tổng hợp)	20 ngày làm việc sau khi Cục TTDL gửi phiếu điều tra	Vụ DSLĐ	Cục TTDL
II	Thu thập và xử lý			
1	Thu thập thông tin, kiểm tra, ghi mã, nghiệm thu cấp tỉnh	Ngày 01-15	CTK	Cục TTDL
2	Kiểm tra, làm sạch, nghiệm thu cấp trung ương	Ngày 16-17	Cục TTDL	CTK
3	Kiểm tra dữ liệu chuyên sâu gửi Cục TTDL để xác minh, hoàn thiện dữ liệu	Ngày 18-21	Vụ DSLĐ	Cục TTDL, CTK
4	Xác minh, hoàn thiện dữ liệu	Ngày 22-23	Cục TTDL	CTK, Vụ DSLĐ
5	Khóa chương trình, chốt số liệu phục vụ xây dựng báo cáo	Ngày 24	Cục TTDL	Vụ DSLĐ
6	Tính quyền số thiết kế và quyền số điều chỉnh	Tháng 4 năm sau	Vụ DSLĐ	Cục TTDL

Phụ lục 2.2

NỘI DUNG PHỐI HỢP VỀ THỐNG KÊ CÔNG NGHIỆP VÀ XÂY DỰNG

1. Điều tra công nghiệp tháng

STT	Nội dung	Thời gian thực hiện	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
I	Chuẩn bị thu thập thông tin			
1	Xây dựng phương án điều tra	Tháng 2-7 năm trước	Cục TTDL ¹	Vụ CNXD ²
2	Xây dựng mẫu biểu tổng hợp kết quả đầu ra (bao gồm quy định tổng hợp)	20 ngày làm việc sau khi Cục TTDL gửi phiếu điều tra; có thể cập nhật và bổ sung thêm trong quá trình triển khai điều tra	Vụ CNXD	Cục TTDL
II	Thu thập và xử lý			
1	Thu thập thông tin	Ngày 08-18	CTK ³	Cục TTDL
2	Kiểm tra, nghiệm thu cấp tỉnh	Ngày 19-20	CTK	Cục TTDL
3	- Kiểm tra, làm sạch dữ liệu: Lỗi logic, đơn vị tính. - Nghiệm thu số lượng đơn vị điều tra cấp trung ương	Ngày 21-22	Cục TTDL	CTK
	Hoàn thiện dữ liệu ban đầu	Ngày 22 hằng tháng		
4	- Kiểm tra, rà soát dữ liệu chuyên sâu gửi Cục TTDL để hoàn thiện dữ liệu. - Nghiệm thu chất lượng dữ liệu	Ngày 23-25	Vụ CNXD	Cục TTDL, CTK
5	Kiểm tra, rà soát, nhập tin số liệu tập đoàn, Tổng công ty (EVN, PVN)	Ngày 20-23	Cục TTDL	Vụ CNXD
6	Khóa chương trình, chốt số liệu phục vụ xây dựng báo cáo	Ngày 25	Cục TTDL	
7	Tổng hợp, biên soạn báo cáo	Ngày 26-30	Vụ CNXD	

***Ghi chú:** Khi thực hiện điều tra IIP theo năm gốc mới, cần điều tra song hành hai năm gốc trong vòng 6 tháng đầu.

¹ Cục TTDL: Cục Thu thập dữ liệu và Ứng dụng công nghệ thông tin thống kê

² Vụ CNXD: Vụ Thống kê Công nghiệp và Xây dựng

³ CTK: Cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

2. Điều tra Vốn đầu tư quý

STT	Nội dung	Thời gian thực hiện	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
I	Chuẩn bị thu thập thông tin			
1	Xây dựng phương án điều tra	Tháng 2-7 năm trước	Cục TTDL	Vụ CNXD
2	Xây dựng mẫu biểu tổng hợp kết quả đầu ra (bao gồm quy định tổng hợp)	20 ngày làm việc sau khi Cục TTDL gửi phiếu điều tra; có thể cập nhật và bổ sung thêm trong quá trình triển khai điều tra	Vụ CNXD	Cục TTDL
II	Thu thập và xử lý			
1	Thu thập thông tin	- Ngày 01-15 tháng 3, 6, 9, 11: Đối với hộ dân cư, trang trại - Ngày 08-18 tháng cuối quý: Đối với Doanh nghiệp	CTK	Cục TTDL
2	Kiểm tra, đánh mã, nhập tin, hoàn thiện dữ liệu, nghiệm thu cấp tỉnh và gửi dữ liệu về Trung ương	- Ngày 16-17: Đối với Hộ dân cư, trang trại - Ngày 19-20 tháng cuối quý: Đối với Doanh nghiệp	CTK	Cục TTDL
3	- Kiểm tra, làm sạch dữ liệu: Lỗi logic, đơn vị tính - Nghiệm thu số lượng đơn vị điều tra cấp trung ương	- Ngày 18-22: Đối với Hộ dân cư, trang trại - Ngày 21-22 tháng cuối quý: Đối với Doanh nghiệp	Cục TTDL	CTK
	- Hoàn thiện dữ liệu ban đầu	Ngày 22 hằng tháng		
4	Kiểm tra, rà soát, xử lý dữ liệu chuyên sâu gửi Cục TTDL để xác minh, hoàn thiện dữ liệu	Ngày 23-25 tháng điều tra	Vụ CNXD	Cục TTDL
5	Khóa chương trình, chốt số liệu phục vụ xây dựng báo cáo	Ngày 25 tháng cuối quý	Cục TTDL	
6	Tổng hợp, biên soạn báo cáo, phân tích báo cáo	Ngày 26-30 tháng cuối quý	Vụ CNXD	CTK
III	Công tác khác			

STT	Nội dung	Thời gian thực hiện	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
1	Đề xuất tích hợp nguồn dữ liệu hành chính, chế độ báo cáo và các cuộc điều tra khác (nếu có) vào phần mềm điều tra nhằm phục vụ tổng hợp và biên soạn báo cáo gồm: Xây dựng mẫu biểu đầu vào, xây dựng hệ thống biểu đầu ra và thuật toán tổng hợp	Khi phát sinh nhu cầu	Vụ CNXD	
2	Xây dựng phần mềm tích hợp theo yêu cầu của Vụ CNXD	Khi phát sinh nhu cầu	Cục TTDL	Vụ CNXD
3	Thu thập, kiểm tra, xử lý dữ liệu từ nguồn dữ liệu hành chính, chế độ báo cáo và dữ liệu điều tra khác (nếu có)	Ngày 23-25 hằng tháng	Vụ CNXD	Cục TTDL, Cục TK, Bộ ngành

3. Điều tra Xây dựng quý

STT	Nội dung	Thời gian thực hiện	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
I	Chuẩn bị thu thập thông tin			
1	Xây dựng phương án điều tra	Tháng 2-7 năm trước	Cục TTDL	Vụ CNXD
2	Xây dựng mẫu biểu tổng hợp kết quả đầu ra (bao gồm quy định tổng hợp)	30 ngày làm việc sau khi Cục TTDL gửi phiếu điều tra; có thể cập nhật và bổ sung thêm trong quá trình triển khai điều tra	Vụ CNXD	Cục TTDL
II	Thu thập và xử lý			
1	Thu thập thông tin, kiểm tra, nghiệm thu cấp tỉnh	- Ngày 01-15 tháng 3, 6, 9, 11: Đối với Hộ dân cư - Ngày 08-18 tháng 3, 6, 9, 11: Đối với Doanh nghiệp và xã phường/thị trấn	CTK	Cục TTDL
2	Kiểm tra làm sạch số liệu ban đầu cấp tỉnh	- Ngày 16-17 tháng điều tra: Đối với Hộ dân cư	CTK	Cục TTDL

STT	Nội dung	Thời gian thực hiện	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
		- Ngày 19-20 tháng điều tra: Đối với Doanh nghiệp, xã phường/thị trấn		
3	- Kiểm tra, làm sạch dữ liệu: Lỗi logic, đơn vị tính. - Nghiệm thu số lượng đơn vị điều tra cấp trung ương	- Ngày 18-22 tháng điều tra: Đối với Hộ dân cư - Ngày 21-22 tháng điều tra: Đối với Doanh nghiệp	Cục TTDL	Vụ CNXD, CTK
	- Hoàn thiện dữ liệu ban đầu	Ngày 22 hằng tháng		
4	Kiểm tra, rà soát, xử lý dữ liệu, chuyên sâu	Từ ngày 23-25 tháng điều tra	Vụ CNXD	Cục TTDL
5	Khóa chương trình, chốt số liệu phục vụ xây dựng báo cáo	Ngày 25 tháng 3, 6, 9, 11	Cục TTDL	
6	Tổng hợp, biên soạn báo cáo	Từ ngày 26-30 tháng điều tra	Vụ CNXD	Phòng kinh tế, CTK

4. Điều tra Vốn đầu tư năm

STT	Nội dung	Thời gian thực hiện	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
I	Chuẩn bị thu thập thông tin			
1	Xây dựng phương án điều tra	Tháng 2-7 năm trước	Cục TTDL	Vụ CNXD
2	Xây dựng mẫu biểu tổng hợp kết quả đầu ra (bao gồm quy định tổng hợp)	20 ngày làm việc sau khi Cục TTDL gửi phiếu điều tra; có thể cập nhật và bổ sung thêm trong quá trình triển khai điều tra	Vụ CNXD	Cục TTDL
II	Thu thập và xử lý			
1	Thu thập thông tin phiếu Hộ dân cư, phiếu hộ trang trại, phiếu xã/phường, phiếu đơn vị sự nghiệp; nghiệm thu cấp tỉnh	Ngày 01/02-31/3	CTK	Cục TTDL
2	Thu thập thông tin phiếu sở tài chính; nghiệm thu cấp tỉnh	Ngày 01/4 - 29/04	CTK	Cục TTDL

STT	Nội dung	Thời gian thực hiện	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
3	- Thu thập thông tin phiếu Bộ, ngành - Thực hiện kiểm tra, đánh mã, làm sạch phiếu, nhập tin, hoàn thiện phiếu điều tra	Ngày 01/8-20/9 hằng năm	Cục TTDL	
4	- Kiểm tra, làm sạch dữ liệu: lỗi logic, đơn vị tính - Nghiệm thu số lượng đơn vị điều tra cấp trung ương	Ngày 01/4-31/5 hằng năm	Cục TTDL	CTK
5	Kiểm tra, rà soát, xử lý dữ liệu chuyên sâu gửi cho Cục TTDL để xác minh, làm sạch, hoàn thiện dữ liệu	- Phiếu Hộ dân cư, hộ trang trại, xã/phường, đơn vị Sự nghiệp, Sở ngành: Ngày 01/6-30/6 hằng năm - Phiếu Bộ ngành: Ngày 16/9-30/9 hằng năm	Vụ CNXD	Cục TTDL, Cục TK
6	Khóa chương trình, chốt số liệu phục vụ xây dựng báo cáo	Ngày 30/9 hằng năm	Cục TTDL	
7	Tổng hợp, biên soạn báo cáo, phân tích báo cáo	Ngày 01/10-31/12 hằng năm	Vụ CNXD	Cục TTDL, Cục TK

5. Điều tra Xây dựng năm

STT	Nội dung	Thời gian thực hiện	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
I	Chuẩn bị thu thập thông tin			
1	Xây dựng phương án điều tra	Tháng 2-7 năm trước	Cục TTDL	Vụ CNXD
2	Xây dựng mẫu biểu tổng hợp kết quả đầu ra (bao gồm quy định tổng hợp)	20 ngày làm việc sau khi Cục TTDL gửi phiếu điều tra; có thể cập nhật và bổ sung thêm trong quá trình triển khai điều tra	Vụ CNXD	Cục TTDL
II	Thu thập và xử lý			
1	Thu thập thông tin, kiểm tra, ghi mã, nhập tin	Ngày 01/02 – 31/3	CTK	Cục TTDL

STT	Nội dung	Thời gian thực hiện	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
2	Kiểm tra, làm sạch, nghiệm thu cấp tính: Lỗi logic, số lượng đơn vị điều tra.	Ngày 1/4-30/4	CTK	Cục TTDL
3	- Kiểm tra, làm sạch dữ liệu: Lỗi Logic, đơn vị tính. - Nghiệm thu số lượng đơn vị điều tra cấp trung ương	Ngày 31/3-15/6	Cục TTDL	CTK, Vụ CNXD
4	Kiểm tra, rà soát dữ liệu chuyên sâu gửi Cục TTDL	Ngày 16/6 - 15/8	Vụ CNXD	Cục TTDL, Cục TK
5	Khóa chương trình, chốt số liệu phục vụ xây dựng báo cáo	Ngày 15/8	Cục TTDL	
6	Tổng hợp, biên soạn báo cáo	Ngày 16-31/8	Vụ CNXD	Phòng kinh tế, CTK

6. Điều tra doanh nghiệp năm

STT	Nội dung	Thời gian thực hiện	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
I	Chuẩn bị thu thập thông tin			
1	Xây dựng phương án điều tra	Tháng 2-7 năm trước	Cục TTDL	Vụ CNXD, các đơn vị liên quan khác
2	Xây dựng mẫu biểu tổng hợp kết quả đầu ra (bao gồm quy định tổng hợp)	20 ngày làm việc sau khi Cục TTDL gửi phiếu điều tra; có thể cập nhật và bổ sung thêm trong quá trình triển khai điều tra	Vụ CNXD	Cục TTDL, các đơn vị liên quan khác
3	Xây dựng chương trình phần mềm điều tra	Tháng 9 năm trước - tháng 2 năm sau	Cục TTDL	Vụ CNXD, các đơn vị liên quan khác
4	Xây dựng thuật toán suy rộng	Tháng 9-12 năm trước	Cục TTDL	Vụ CNXD
5	Rà soát dàn mẫu, chọn mẫu điều tra	Theo quy định của phương án	Cục TTDL	Vụ CNXD

STT	Nội dung	Thời gian thực hiện	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
II	Thu thập và xử lý			
1	Thu thập thông tin	Tháng 4-7	CTK	Cục TTDL
2	Kiểm tra, nghiệm thu cấp tỉnh	<ul style="list-style-type: none"> - Tỉnh có dưới 5.000 doanh nghiệp: Kiểm tra và nghiệm thu từ ngày 01 tháng 6 - ngày 30 tháng 6. - Tỉnh có từ 5.000 doanh nghiệp trở lên (trừ thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh): Kiểm tra và nghiệm thu từ ngày 01 tháng 7 - ngày 30 tháng 7. - Riêng thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh: Kiểm tra và nghiệm thu từ ngày 01 tháng 8 - ngày 10 tháng 9. 	CTK	Cục TTDL
3	Thu thập thông tin khối tập đoàn, tổng công ty	Tháng 6-7	Cục TTDL	Các đơn vị
4	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra, làm sạch dữ liệu và giải trình: Lỗi logic; đơn vị tính; thay đổi ngành, loại hình; thay đổi quy mô lớn giữa các năm: Lao động, thu nhập của người lao động, tài sản, nguồn vốn, kết quả sản xuất kinh doanh,... - Nghiệm thu số lượng đơn vị điều tra cấp trung ương 	<p>Kiểm tra theo hình thức cuốn chiếu từ tháng 6 đến tháng 9, cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tỉnh có dưới 5.000 doanh nghiệp: Kiểm tra và nghiệm thu từ ngày 01 tháng 7 - ngày 14 tháng 7. - Tỉnh có từ 5.000 doanh nghiệp trở lên (trừ thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh): Kiểm tra và nghiệm thu từ ngày 01 tháng 8 - ngày 14 tháng 8. - Riêng thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh: Kiểm tra và nghiệm thu từ ngày 11 tháng 9 - ngày 30 tháng 9. 	Cục TTDL	CTK, các đơn vị liên quan khác
5	Kiểm tra, rà soát dữ liệu chuyên sâu, dữ liệu tổng hợp gửi Cục TTDL xác	Kiểm tra theo hình thức cuốn chiếu từ ngày 15 tháng 7 ngày 30 tháng 12,	Vụ CNXD: Các chỉ tiêu cơ bản	Cục TTDL, CTK

STT	Nội dung	Thời gian thực hiện	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
	minh.	<p>cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tỉnh có dưới 5.000 doanh nghiệp: Kiểm tra và nghiệm thu từ ngày 15 tháng 7 - ngày 30 tháng 11. - Tỉnh có từ 5.000 doanh nghiệp trở lên (trừ thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh): Kiểm tra và nghiệm thu từ ngày 15 tháng 8 - ngày 30 tháng 11. - Riêng thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh: Kiểm tra và nghiệm thu từ ngày 01 tháng 10 - ngày 30 tháng 12. 	<p>phục vụ biên soạn Sách Trắng doanh nghiệp Việt Nam, các chỉ tiêu chuyên ngành lĩnh vực CN-XD; Vụ TMDV⁴, Vụ NLTS⁵, Vụ TKQG⁶, Vụ XHMT⁷...: Các chỉ tiêu chuyên ngành theo lĩnh vực phụ trách.</p>	
6	Tổng hợp, biên soạn báo cáo	Tháng 01-3 năm sau	<p>Vụ CNXD Vụ TMDV, Vụ NLTS, Vụ TKQG, Vụ XHMT ...: Các chỉ tiêu chuyên ngành theo lĩnh vực phụ trách.</p>	Cục TIDL, CTK
7	Khóa chương trình, chốt số liệu phục vụ xây dựng báo cáo	Ngày 31 tháng 3 năm sau	Vụ CNXD	

⁴ Vụ TMDV: Vụ Thống kê Thương mại và Dịch vụ

⁵ Vụ NLTS: Vụ Thống kê Nông, Lâm nghiệp và Thủy sản

⁶ Vụ TKQG: Vụ Hệ thống Tài khoản quốc gia

⁷ Vụ XHMT: Vụ Thống kê Xã hội và Môi trường

Phụ lục 2.3
NỘI DUNG PHỐI HỢP VỀ THỐNG KÊ GIÁ

1. Điều tra giá tiêu dùng (thực hiện hàng tháng, áp dụng đối với thời kỳ 2025 - 2030)

STT	Nội dung	Thời gian thực hiện	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
I	Chuẩn bị thu thập thông tin			
1	Xây dựng phương án điều tra	Tháng 2-7 năm trước	Cục TTDL ¹	Vụ TKG ²
2	Xây dựng phiếu điều tra	Tháng 4-7 năm trước	Cục TTDL	Vụ TKG
3	Xây dựng quy trình tổng hợp và nối chuỗi chỉ số giá	Tháng 4-7 năm trước	Vụ TKG	Cục TTDL
4	Xây dựng cấu trúc chỉ số giá tiêu dùng	Tháng 4-7 năm trước	Vụ TKG	Cục TTDL
5	Xây dựng các loại tài liệu hướng dẫn nghiệp vụ điều tra	Tháng 6-12 năm trước	Cục TTDL	Vụ TKG
6	Lập dàn chọn mẫu	Năm trước năm điều tra giá gốc	Cục TTDL	Vụ TKG
7	Chọn mẫu	Năm trước năm điều tra giá gốc	Cục TTDL	Vụ TKG
8	Xây dựng danh mục sản phẩm sơ bộ	Năm trước năm điều tra giá gốc	Vụ TKG	Cục TTDL, CTK ³
9	Xây dựng mẫu biểu tổng hợp kết quả đầu ra (bao gồm quy định tổng hợp)	Tháng 6-9 năm trước	Vụ TKG	Cục TTDL
10	Xây dựng, kiểm thử các phần mềm ứng dụng phục vụ rà soát danh mục sản phẩm; điều tra thu thập thông tin giá; tính chỉ số giá; tổng hợp kết quả đầu ra	Trước tháng 5 năm điều tra	Cục TTDL	Vụ TKG, CTK
11	Cập nhật các loại phần mềm (nếu có)	Từ năm 2026	Cục TTDL	Vụ TKG, CTK
12	Rà soát, kiểm tra, hoàn thiện Danh mục hàng hóa dịch vụ, mạng lưới điều tra chính thức	Tháng 4-9 năm điều tra	Cục TTDL	Vụ TKG, CTK

¹ Cục TTDL: Cục Thu thập dữ liệu và Ứng dụng công nghệ thông tin thống kê

² Vụ TKG: Vụ Thống kê Giá

³ CTK: Cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

STT	Nội dung	Thời gian thực hiện	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
	từ năm 2025, đơn vị điều tra			
13	Tính toán quyền số	Tháng 01 - 3 năm điều tra	Cục TTDL	Vụ TKG
14	Tập huấn cấp trung ương và cấp tỉnh	Trước tháng 10 năm điều tra	Cục TTDL, CTK	Vụ TKG
15	Điều tra giá gốc	12 tháng của năm được chọn làm gốc	Cục TTDL, CTK	Vụ TKG
16	Tổng hợp giá gốc	2-3 tháng trước tháng nối chuỗi	Cục TTDL	Vụ TKG
17	Xây dựng các loại tài liệu hướng dẫn nghiệp vụ điều tra khi có phát sinh	Theo phát sinh trong thực tiễn	Cục TTDL	Vụ TKG
II	Thu thập, xử lý và tổng hợp thông tin			
I.1.	Kỳ 1			
1	Thu thập thông tin giá, kiểm tra, làm sạch số liệu giá, kiểm tra logic	Ngày 01-08	CTK	Cục TTDL
2	Kiểm tra, xác minh giá thu thập từ các đơn vị cung cấp thông tin	Ngày 09	Cục TTDL	CTK
3	Kiểm tra dữ liệu tổng hợp	Ngày 10	Vụ TKG	Cục TTDL
4	Xác minh, hoàn thiện và chốt số liệu giá	Ngày 11	Cục TTDL	CTK
5	Tổng hợp và biên soạn chỉ số giá (CSG) vùng và cả nước theo các gốc so sánh	Ngày 12	Vụ TKG	Cục TTDL
6	Khóa chương trình, chốt số liệu phục vụ xây dựng báo cáo	Ngày 12	Cục TTDL	Vụ TKG
I.2	Kỳ 2			
1	Thu thập thông tin giá, kiểm tra, làm sạch dữ liệu, kiểm tra logic	Ngày 09 đến ngày 16	CTK	Cục TTDL
2	Kiểm tra, xác minh giá thu thập từ các đơn vị cung cấp thông tin	Ngày 17 đến ngày 18	Cục TTDL	CTK

STT	Nội dung	Thời gian thực hiện	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
3	Kiểm tra dữ liệu tổng hợp	Ngày 18 đến ngày 19	Vụ TKG	Cục TTDL
4	Xác minh, hoàn thiện và chốt số liệu	Ngày 19 đến ngày 20	Cục TTDL	CTK
5	Tổng hợp và biên soạn CSG vùng và cả nước theo các góc so sánh	Ngày 20-21	Vụ TKG	Cục TTDL
6	Khóa chương trình, chốt số liệu phục vụ xây dựng báo cáo	Ngày 21	Cục TTDL	Vụ TKG
1.3	Kỳ 3			
1	Thu thập thông tin giá, kiểm tra, làm sạch số liệu giá, kiểm tra logic.	Ngày 17 đến ngày 24	CTK	Cục TTDL
2	Kiểm tra, xác minh giá thu thập từ các đơn vị cung cấp thông tin	Ngày 25-26	Cục TTDL	CTK
3	Kiểm tra dữ liệu tổng hợp	Ngày 26-27	Vụ TKG	Cục TTDL
4	Xác minh, hoàn thiện và chốt số liệu giá	Ngày 27-28	Cục TTDL	CTK
5	Tổng hợp và biên soạn CSG vùng và cả nước theo các góc so sánh	Ngày 29-30	Vụ TKG	Cục TTDL
6	Khóa chương trình, chốt số liệu phục vụ xây dựng báo cáo	Ngày 30	Cục TTDL	Vụ TKG

2. Điều tra giá sản xuất công nghiệp; Điều tra giá sản xuất dịch vụ; Điều tra giá nông, lâm nghiệp và thủy sản; Điều tra giá nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu dùng cho sản xuất (thực hiện hằng tháng) và các cuộc điều tra giá còn lại, gồm: Giá sản xuất xây dựng; giá tiền lương; giá bất động sản thuộc chương trình thống kê quốc gia

STT	Nội dung	Thời gian thực hiện	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
I	Chuẩn bị thu thập thông tin			
1	Xây dựng phương án điều tra	Tháng 2-7 năm trước	Cục TTDL	Vụ TKG
2	Xây dựng phiếu điều tra	Tháng 4-7 năm trước	Cục TTDL	Vụ TKG

STT	Nội dung	Thời gian thực hiện	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
3	Xây dựng quy trình tính CSG	Tháng 4-7 năm trước	Vụ TKG	Cục TTDL
4	Xây dựng cấu trúc CSG	Tháng 4-8 năm trước	Vụ TKG	Cục TTDL
5	Xây dựng các loại tài liệu hướng dẫn nghiệp vụ điều tra	Trước tháng 01 năm điều tra	Cục TTDL	Vụ TKG
6	Lập dàn chọn mẫu	Tháng 8-10 năm trước	Cục TTDL	Vụ TKG
7	Chọn mẫu	Tháng 8-10 năm trước	Cục TTDL	Vụ TKG
8	Xây dựng danh mục sản phẩm sơ bộ	Tháng 8-10 năm trước	Vụ TKG	Cục TTDL
9	Xây dựng mẫu biểu tổng hợp kết quả đầu ra (bao gồm quy định tổng hợp)	20 ngày làm việc sau khi Cục TTDL gửi phiếu điều tra	Vụ TKG	Cục TTDL
10	Xây dựng, cập nhật và kiểm thử các phần mềm ứng dụng phục vụ rà soát danh mục sản phẩm; điều tra thu thập thông tin giá; tính CSG; tổng hợp kết quả đầu ra	Trước tháng 01 năm điều tra	Cục TTDL	Vụ TKG, CTK
11	Cập nhật sản phẩm, đơn vị điều tra	Trước tháng 01 năm điều tra	Cục TTDL	Vụ TKG, CTK
12	Rà soát, hoàn thiện Danh mục sản phẩm, đơn vị điều tra	Trước tháng 01 năm điều tra	Cục TTDL	Vụ TKG, CTK
13	Tính toán quyền số	Trước tháng 01 năm điều tra	Cục TTDL	Vụ TKG
14	Tập huấn cập trung ương và cấp tỉnh	Trước tháng 01 năm điều tra	Cục TTDL, CTK	Vụ TKG
15	Điều tra giá gốc	Đối với giá nông, lâm nghiệp và thủy sản điều tra 12 tháng của năm được chọn làm gốc. Đối với các loại giá sản xuất khác điều tra 01 quý của năm được chọn làm gốc.	Cục TTDL, CTK	Vụ TKG
16	Tổng hợp giá gốc	2-3 tháng trước quý nối chuỗi	Cục TTDL	Vụ TKG

STT	Nội dung	Thời gian thực hiện	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
17	Xây dựng các loại tài liệu hướng dẫn nghiệp vụ điều tra khi có phát sinh	Theo phát sinh trong thực tiễn	Cục TTDL	Vụ TKG
18	Rà soát, điều chỉnh quyền số hằng năm	Theo quy định cụ thể tại Phương án điều tra tương ứng	Cục TTDL	Vụ TKG
II	Thu thập, xử lý và tổng hợp			
1	Thu thập thông tin giá, kiểm tra, làm sạch số liệu giá, kiểm tra logic	Ngày 05 đến ngày 12	CTK	Cục TTDL
2	Kiểm tra, xác minh giá thu thập từ các đơn vị cung cấp thông tin.	Ngày 13-15	Cục TTDL	CTK
3	Kiểm tra dữ liệu tổng hợp	Ngày 15-17	Vụ TKG	Cục TTDL
4	Xác minh, hoàn thiện và chốt số liệu giá; gửi dữ liệu giá nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu tới Vụ TKG tổng hợp CSG.	Ngày 18-19	Cục TTDL	CTK
5	Tổng hợp và biên soạn CSG vùng và cả nước theo các góc so sánh	Ngày 20-21	Vụ TKG	Cục TTDL
6	Khóa chương trình, chốt số liệu phục vụ xây dựng báo cáo	Ngày 21	Cục TTDL	Vụ TKG

3. Khai thác thông tin giá xuất, nhập khẩu từ Tổng cục Hải Quan

STT	Nội dung	Thời gian thực hiện	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
1	Thu thập thông tin giá	Ngày 10 đến ngày 13	Cục TTDL	
2	Kiểm tra, làm sạch số liệu, kiểm tra logic, xác minh giá thu thập	Ngày 14 đến 15h ngày 15	Cục TTDL	Vụ TKG

3	Kiểm tra dữ liệu tổng hợp	15h ngày 15 đến 10h ngày 16	Vụ TKG	Cục TTDL
4	Xác minh, hoàn thiện và chốt số liệu.	10h ngày 16 đến 17h ngày 16	Cục TTDL	Vụ TKG
5	Khóa chương trình, chốt số liệu phục vụ xây dựng báo cáo	24h ngày 16	Cục TTDL	Vụ TKG

Phụ lục 2.4

NỘI DUNG PHỐI HỢP VỀ THÔNG KÊ XÃ HỘI VÀ MÔI TRƯỜNG

1. Khảo sát mức sống dân cư (thực hiện hằng quý)

STT	Nội dung	Thời gian thực hiện	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
I	Chuẩn bị thu thập thông tin			
1	Xây dựng phương án điều tra	Tháng 2-7 năm trước	Cục TTDL ¹	Vụ XHMT ²
2	Xây dựng mẫu biểu tổng hợp kết quả đầu ra (bao gồm quy định tổng hợp)	20 ngày làm việc sau khi Cục TTDL gửi phiếu điều tra chính thức	Vụ XHMT	Cục TTDL
II	Thu thập và xử lý			
1	Thu thập thông tin	Ngày 01-25 tháng giữa quý	CTK ³	Cục TTDL
2	Kiểm tra, làm sạch, nghiệm thu tại tỉnh/thành phố	Ngày 01 tháng giữa quý đến ngày 05 tháng cuối quý	CTK	Cục TTDL, Vụ XHMT
3	Kiểm tra, làm sạch, nghiệm thu tại trung ương	Ngày 05 tháng giữa quý đến ngày 12 tháng cuối quý	Cục TTDL	CTK, Vụ XHMT
4	Kiểm tra số liệu tổng hợp, kiểm tra số liệu chuyên sâu, phát hiện lỗi và gửi Cục TTDL phối hợp xử lý làm sạch	Ngày 13-17 tháng cuối quý	Vụ XHMT	Cục TTDL
5	Kiểm tra, xác minh, hoàn thiện dữ liệu	Ngày 18-21 tháng cuối quý	Cục TTDL	CTK, Vụ XHMT
6	Khóa chương trình, chốt số liệu phục vụ xây dựng báo cáo	Ngày 21 tháng cuối quý	Cục TTDL	Vụ XHMT
7	Tính quyền số quý	Ngày 17 tháng cuối quý	Vụ XHMT	Cục TTDL (ngày 01/12 cấp số liệu tính quyền số, bao gồm số hộ các địa bàn khảo sát và số hộ chia theo thành thị và nông thôn của các

¹ Cục TTDL: Cục Thu thập dữ liệu và Ứng dụng công nghệ thông tin thống kê

² Vụ XHMT: Vụ Thống kê Xã hội và Môi trường

³ CTK: Cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

STT	Nội dung	Thời gian thực hiện	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
				tỉnh/thành phố)
8	Kiểm tra kết quả đầu ra (biểu trung gian, biểu tổng hợp)	Tháng 01 - 02 năm sau	Vụ XHMT	Cục TTDL, CTK

2. Điều tra người khuyết tật (thực hiện vào các năm có đuôi 3 và 8)

STT	Nội dung	Thời gian thực hiện	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
I	Chuẩn bị thu thập thông tin			
1	Xây dựng phương án điều tra	Tháng 2-7 năm trước	Cục TTDL	Vụ XHMT
2	Xây dựng mẫu biểu tổng hợp kết quả đầu ra (bao gồm quy định tổng hợp)	20 ngày làm việc sau khi Cục TTDL gửi phiếu điều tra chính thức	Vụ XHMT	Cục TTDL
II	Thu thập và xử lý			
1	Thu thập thông tin	Ngày 01 - 30/9	CTK	Cục TTDL
2	Kiểm tra, làm sạch, nghiệm thu tại tỉnh/thành phố	Ngày 01/9 - 30/10	CTK	Cục TTDL, Vụ XHMT
3	Kiểm tra, làm sạch, nghiệm thu tại trung ương	Ngày 01/9 - 30/11	Cục TTDL	CTK, Vụ XHMT
4	Kiểm tra số liệu tổng hợp, kiểm tra số liệu chuyên sâu, phát hiện lỗi và gửi Cục TTDL phối hợp xử lý làm sạch.	Ngày 01/12-30/12	Vụ XHMT	Cục TTDL
5	Kiểm tra, xác minh, hoàn thiện dữ liệu	Ngày 15/12-30/01 năm sau	Cục TTDL	CTK, Vụ XHMT
6	Khóa chương trình, chốt số liệu phục vụ xây dựng báo cáo	Ngày 15/02 năm sau	Cục TTDL	Vụ XHMT
7	Tính quyền số	Ngày 15/02 năm sau	Cục TTDL	Vụ XHMT
8	Kiểm tra kết quả đầu ra (biểu trung gian, biểu tổng hợp)	Tháng 02 - 04 năm sau	Vụ XHMT	Cục TTDL, CTK

Phụ lục 2.6
NỘI DUNG PHỐI HỢP VỀ THỐNG KÊ THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ

1. Điều tra hoạt động thương mại và dịch vụ

STT	Nội dung	Thời gian thực hiện	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
I	Chuẩn bị thu thập thông tin			
1	Xây dựng phương án điều tra	Tháng 2-7 năm trước	Cục TTDL ¹	Vụ TMDV ²
2	Xây dựng mẫu biểu tổng hợp kết quả đầu ra (bao gồm quy định tổng hợp)	20 ngày làm việc sau khi Cục TTDL gửi phiếu điều tra	Vụ TMDV	Cục TTDL
II	Thu thập, xử lý và tổng hợp			
1	Thu thập thông tin	Ngày 08-18	CTK ³	Cục TTDL
2	Kiểm tra, nghiệm thu cấp tỉnh	Ngày 19-20	CTK	Cục TTDL
3	Kiểm tra, làm sạch, nghiệm thu cấp trung ương	Ngày 21-22 hằng tháng	Cục TTDL	CTK
	Hoàn thiện dữ liệu ban đầu	Ngày 22 hằng tháng		
4	Kiểm tra dữ liệu chuyên sâu gửi Cục TTDL để xác minh, hoàn thiện dữ liệu	Ngày 23-25 hằng tháng	Vụ TMDV	Cục TTDL
5	Khóa chương trình, chốt số liệu phục vụ xây dựng báo cáo	Ngày 25 hằng tháng	Cục TTDL	
6	Tổng hợp và biên soạn báo cáo	Ngày 25-30 hằng tháng	Vụ TMDV	

2. Điều tra cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể

STT	Nội dung	Thời gian thực hiện	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
I	Chuẩn bị thu thập thông tin			
1	Xây dựng phương án điều tra	Tháng 2-7 năm trước	Cục TTDL	Vụ TMDV
2	Xây dựng mẫu biểu tổng hợp kết quả đầu ra (bao gồm quy định tổng hợp)	20 ngày làm việc sau khi Cục TTDL gửi phiếu điều tra	Vụ TMDV	Cục TTDL

¹ Cục TTDL: Cục Thu thập dữ liệu và Ứng dụng công nghệ thông tin thống kê

² Vụ TMDV: Vụ Thống kê Thương mại và Dịch vụ

³ CTK: Cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

STT	Nội dung	Thời gian thực hiện	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
II	Thu thập và xử lý			
1	Tiến hành thu thập thông tin	30 ngày từ ngày 05/01	CTK	Cục TTDL
2	Kiểm tra, làm sạch, nghiệm thu cấp tỉnh	Ngày 05/01 - 20/02	CTK	Cục TTDL
3	Kiểm tra, làm sạch, nghiệm thu cấp trung ương	Ngày 05/01 - 10/3	Cục TTDL	CTK
4	Kiểm tra dữ liệu tổng hợp, kiểm tra số liệu chuyên sâu	Ngày 11/3 - 31/3	Vụ TMDV	Cục TTDL
5	Xác minh, làm sạch, hoàn thiện dữ liệu	Ngày 20/3 - 20/4	Cục TTDL	CTK, Vụ TMDV
6	Khóa chương trình, chốt số liệu phục vụ xây dựng báo cáo	Ngày 30/4	Cục TTDL	

3. Điều tra chỉ tiêu của khách du lịch nội địa và khách quốc tế đến Việt Nam

STT	Nội dung	Thời gian thực hiện	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
I	Chuẩn bị thu thập thông tin			
1	Xây dựng phương án điều tra	Tháng 2-7 năm trước	Cục TTDL	Vụ TMDV
2	Xây dựng mẫu biểu tổng hợp kết quả đầu ra (bao gồm quy định tổng hợp)	20 ngày làm việc sau khi Cục TTDL gửi phiếu điều tra	Vụ TMDV	Cục TTDL
II	Thu thập và xử lý			
1	Tiến hành thu thập thông tin	- Phiếu thu thập thông tin từ hộ dân cư: Ngày 01-10 các tháng 10, 11, 12 - Thu thập thông tin của khách quốc tế đến VN: 01-30/10	CTK	Cục TTDL
2	Kiểm tra, làm sạch, nghiệm thu cấp tỉnh	Ngày 01/10 - 20/12	CTK	Cục TTDL
3	Kiểm tra, làm sạch, nghiệm thu cấp trung ương	Ngày 01/10 - 30/12	Cục TTDL	CTK

STT	Nội dung	Thời gian thực hiện	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
4	Kiểm tra dữ liệu tổng hợp, kiểm tra số liệu chuyên sâu	Tháng 01 năm sau	Vụ TMDV	Cục TTDL
5	Xác minh, làm sạch, hoàn thiện dữ liệu	Tháng 02 năm sau	Cục TTDL	CTK, Vụ TMDV
6	Khóa chương trình, chốt số liệu phục vụ xây dựng báo cáo	Ngày 15/3 năm sau năm điều tra	Cục TTDL	